

**TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA
TỔ SỬ- ĐỊA- GDKT&PL**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ 2, MÔN GDKT&PL KHỐI 11
NĂM HỌC 2025 – 2026**

- **Hình thức kiểm tra:** 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- **Thời gian làm bài:** 45 phút
- **Nội dung kiểm tra:**

BÀI 12. QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo bao gồm bình đẳng về quyền, bình đẳng về nghĩa vụ và bình đẳng về trách nhiệm pháp lý trước pháp luật.

a) Quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là: các dân tộc ở Việt Nam không phân biệt đa số hay thiểu số đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển. Mọi dân tộc đều bình đẳng về chính trị, văn hoá, giáo dục.

- Các dân tộc bình đẳng về chính trị: Các dân tộc đều có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia vào bộ máy nhà nước, tham gia thảo luận, góp ý các vấn đề chung của đất nước.

- Các dân tộc bình đẳng về kinh tế: Trong chính sách phát triển kinh tế, không có sự phân biệt giữa các dân tộc đa số và thiểu số. Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển kinh tế đối với tất cả các vùng, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các dân tộc bình đẳng về văn hoá, giáo dục: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình. Những phong tục tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng dân tộc được giữ gìn, khôi phục, phát huy. Các dân tộc ở Việt Nam có quyền hưởng thụ một nền giáo dục của nước nhà.

b) Quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là: Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trong việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý.

- Các tôn giáo, tổ chức tôn giáo có quyền bình đẳng trong hoạt động tôn giáo, tổ chức sinh hoạt tôn giáo,...những nơi thờ tự của các tổ chức tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tôn giáo của các tôn giáo khác nhau ngoài việc phải tuân thủ hiến chương, điều lệ, các quy định của tôn giáo của tổ chức mình thì còn phải bình đẳng trong việc tuân thủ các quy định của Hiến pháp, Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Các tổ chức tôn giáo, cũng như người theo các tôn giáo khác nhau dù ở bất kì cương vị nào nếu vi phạm pháp luật cũng đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội

- Bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, tôn giáo...

- Thực hiện tốt bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo là thực tiễn sinh động để đấu tranh chống lại các hành vi xuyên tạc chính sách dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch không có thiện chí đối với nước ta.

3. Hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

- Hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo (như: kì thị, chia rẽ dân tộc, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật,...) tùy tính chất, mức độ vi phạm, người vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây ra thiệt hại (nếu có) thì phải bồi thường.

- Công dân cần đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong đời sống thực tiễn như: Gây thù hằn, chia rẽ giữa các dân tộc, gây chia rẽ giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo tôn giáo khác nhau,... để phòng tránh, không thực hiện hành vi vi phạm.

4. Thực hiện quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

- Tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.
- Tôn trọng quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.
- Tuyên truyền, vận động người khác biết và không vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

BÀI 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

- Về quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội: Công dân có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

+ Ở phạm vi cả nước: Công dân tham gia biểu quyết và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

+ Ở phạm vi cơ sở: Công dân theo dõi những nội dung công khai; bàn và quyết định những nội dung quan trọng thông qua hình thức bỏ phiếu công khai hoặc bỏ phiếu kín tại các cuộc họp cử tri hoặc thông qua hình thức phát phiếu lấy ý kiến; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; tham gia giám sát những hoạt động của chính quyền theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ tham gia quản lí nhà nước và xã hội: Công dân có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội; tôn trọng quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội của người khác; không lợi dụng quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội để vi phạm pháp luật hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực:

- Về phía cơ quan nhà nước
 - + Không bảo đảm và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.
 - + Không phát huy được vai trò, tính tích cực và sáng tạo của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.
 - + Làm giảm lòng tin của công dân vào sự quản lí của Nhà nước.
- Về phía công dân:
 - + Không thực hiện được đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia quản lí nhà nước và xã hội.
 - + Không phát huy được ý thức và vai trò làm chủ của bản thân và ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước.

- Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá một số hành vi và thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Công dân có trách nhiệm tìm hiểu những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội; xây dựng ý thức tự giác thực hiện quy định về quyền này. Đồng thời, vận động những người xung quanh chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

BÀI 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử

- Quyền bầu cử và quyền ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó, nhân dân thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của mình để bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước.

- Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bầu cử và ứng cử:

+ Công dân đủ tuổi theo luật định có quyền bầu cử (đủ 18 tuổi trở lên), ứng cử (đủ 21 tuổi trở lên) đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

+ Quyền bầu cử, ứng cử của công dân được thực hiện theo nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

+ Trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật, công dân không được phép thực hiện quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (Người vi phạm pháp luật và đang bị pháp luật xử lý, người mất năng lực hành vi dân sự,...)

- Công dân có nghĩa vụ về bầu cử và ứng cử:

+ Tuân thủ Hiến pháp, luật và quy định khác của pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử.

+ Tự mình tham gia bầu cử, nghiên cứu kỹ tiêu chuẩn đại biểu, số lượng ứng cử viên và số đại biểu được bầu tại đơn vị bầu cử.

+ Cân nhắc, lựa chọn kỹ lưỡng, bầu đủ số lượng đại biểu được bầu là những ứng cử viên thật sự tiêu biểu, có kiến thức, năng lực, phản ánh được ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân với cơ quan dân cử

+ Phản bác, đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử và mọi luận điệu xuyên tạc chống phá cuộc bầu cử của các thể lực thù địch.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử có thể dẫn tới một số hậu quả sau:

- Về phía cơ quan nhà nước:

+ Xâm phạm tới quyền bầu cử và ứng cử của công dân; làm sai lệch kết quả bầu cử;

+ Gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, không chọn được đúng đại biểu có uy tín, năng lực, trách nhiệm vào các cơ quan nhà nước;

+ Gây mất ổn định tình hình xã hội.

- Về phía công dân:

+ Không thể hiện được ý chí và nguyện vọng của bản thân.

+ Không thực hiện đúng trách nhiệm của bản thân.

+ Không tham gia xây dựng được bộ máy nhà nước.

- Hành vi vi phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá một số hành vi thường gặp và thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử

Công dân cần biết những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử, xây dựng ý thức tự giác tuân thủ và chấp hành; tuyên truyền vận động những người khác chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.

BÀI 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

Quyền khiếu nại, tố cáo là quyền dân chủ cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định, là công cụ để nhân dân thực hiện dân chủ trực tiếp trong những trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức bị hành vi trái pháp luật xâm hại.

a) Quyền của người khiếu nại:

+ Tự mình khiếu nại hoặc uỷ quyền cho người khác thực hiện việc khiếu nại. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại đều có thể uỷ quyền cho luật sư khiếu nại.

+ Được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại.

+ Yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại.

+ Tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại.

+ Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm hại.

b) Nghĩa vụ của người khiếu nại:

+ Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

+ Đưa ra chứng cứ, thông tin, tài liệu về việc khiếu nại, trình bày trung thực sự việc.

+ Chấp hành quyết định, hành vi bị khiếu nại và quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực PL.

c) Quyền của người tố cáo:

+ Thực hiện tố cáo theo quy định của pháp luật;

+ Được bảo đảm bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác;

+ Được thông báo về việc thụ lý hoặc không thụ lý TC, chuyển TC đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết TC, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết TC, tiếp tục giải quyết TC, kết luận nội dung TC;

+ Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết; + Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo;

+ Được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

+ Quyền rút lại tố cáo.

d) Nghĩa vụ của người tố cáo:

+ Cung cấp thông tin cá nhân;

+ Trình bày trung thực về nội dung tố cáo;

+ Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được;

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo của mình;

+ Hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu;

+ Bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

- Hành vi vi phạm quyền và NV của CD về khiếu nại, tố cáo sẽ gây nên nhiều hậu quả tiêu cực:

+ Đối với xã hội: ảnh hưởng đến tinh thần nghiêm của pháp luật và trật tự quản lý nhà nước; có thể gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoạt động của cán bộ, cơ quan, tổ chức nhà nước...

+ Đối với cá nhân: xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, công việc, kinh tế của công dân...

- Người tố cáo và những người khác có liên quan có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

- Nắm được quy định pháp luật về quyền khiếu nại, tố cáo.

- Không lợi dụng khiếu nại, tố cáo để xâm phạm lợi ích của Nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Có ý thức tự giác thực hiện quy định pháp luật về khiếu nại tố cáo và vận động mọi người cùng thực hiện.

BÀI 16. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc

- Bảo vệ Tổ quốc là quyền cao quý, thiêng liêng của mỗi công dân.
- Công dân có quyền:
 - + Tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.
 - + Tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ Tổ quốc.
 - + Bình đẳng về bảo vệ Tổ quốc.
 - + Kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia,...
- Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân.
- Công dân có nghĩa vụ:
 - + Trung thành với Tổ quốc
 - + Tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo vệ Tổ quốc.
 - + Thực hiện nghĩa vụ quân sự;
 - + Tham gia dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân;
 - + Giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia;
 - + Vận động, tuyên truyền người thân tuân theo các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc,...

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc

- Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc sẽ gây nên nhiều hậu quả tiêu cực.
 - + Đối với xã hội: Gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc; gây khủng hoảng chính trị; cản trở sự phát triển của đất nước, trật tự quản lí xã hội.
 - + Đối với cá nhân: xâm phạm quyền bình đẳng, quyền tự do, dân chủ của công dân; gây tổn thất về sức khỏe, tính mạng, tiền bạc của công dân...
- Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá một số hành vi thường gặp và thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc

Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc;

Xây dựng ý thức tự giác thực hiện quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc;

Đồng thời, có trách nhiệm vận động những người xung quanh chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ này.

Lên án, tố cáo các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong bảo vệ Tổ quốc

BÀI 17. QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ, ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM

1. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm

- Mọi công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

- Cá nhân có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Việc bắt, giam, giữ người phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

- Mọi người có nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, tôn trọng các quyền này của cá nhân.

- Pháp luật nghiêm cấm các hành vi tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

2. Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm

- Tự tiện bắt người và giam giữ người không theo quy định của pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. Hành vi đó tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lí hình sự, xử phạt vi phạm hành chính, xử lí kỉ luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường. Các trường hợp được phép bắt người gồm bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người bị yêu cầu dẫn độ. Trong các trường hợp này việc bắt, giam giữ người phải được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

- Xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác là hành vi cố ý hoặc vô ý làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác như hành vi đánh người gây thương tích, làm chết người, đe dọa giết người. Xâm phạm danh dự và nhân phẩm của người khác là hành vi bịa đặt điều xấu, tung tin xấu, nói xấu, xúc phạm người khác để hạ uy tín và danh dự của người đó. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.

Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi đánh người, tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình gây thương tích, xâm phạm tới tính mạng, làm tổn hại cho sức khỏe của người khác.

3. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm và trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền này

- Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân gây nhiều hậu quả tiêu cực:

+ Gây tổn hại về sức khỏe, tính mạng, tinh thần, uy tín, danh dự, kinh tế,... đối với người bị xâm phạm;

+ Gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;

+ Làm sụt giảm uy tín của cán bộ, cơ quan nhà nước,...

+ Gây tổn hại đến uy tín của cơ quan nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tinh thần nghiêm của pháp luật

- Vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân là hành vi trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân được pháp luật bảo hộ. Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm tùy theo tính chất, mức độ có thể bị xử lý kỷ luật, xử lí hành chính, hoặc xử lí hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

- **Trách nhiệm của công dân:**

- Học tập, nắm vững những quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm;

- Xây dựng ý thức tự giác thực hiện quy định các quyền này.

Đồng thời, có trách nhiệm vận động những người xung quanh chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm

Lên án, tố cáo các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

-----**HẾT**-----